

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSPT

Ngày 25 tháng 02 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Thẩm phán:

Bà Lương Hải Yến

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2021/HSPT ngày 26 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HSST ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 06/6/1984; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị S (đã chết); vợ: Đào Thị H; có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 176, ngày 08/7/2004 của Công an thành

phổ Thái Bình phạt D 200.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021 thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/5/1987; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T và bà Dương Thị T; vợ: Trần Thị B, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 131/2015/HSST ngày 04/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt bị cáo 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Đánh bạc”; bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021 thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

3. Phạm Văn T1, sinh ngày 09/9/1980; HKTT: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện nay: Khu tái định cư xã Đ, thôn Q, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị C; vợ: Hà Thị H, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 623/HSST ngày 15/5/2000 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “Cướp tài sản của công dân”; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nghiêm Xuân T2, sinh ngày 16/4/1980; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Xuân N và bà Phí Thị Đ (đã chết); vợ: Nguyễn Thị L, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Dương Văn Đ, sinh ngày 30/12/1976; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị B; vợ: Vũ Thị Thu H, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Dương Duy Đ1, sinh ngày 22/5/1972; nơi cư trú: thôn C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc Q (đã chết) và bà Phạm Thị L; vợ: Nguyễn Thị L, có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 181/2013/HSST, ngày 06/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Đ1 03 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 năm từ ngày 06/01/2013; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 148/QĐ-XPHC ngày 23/02/2012 của Công an thành phố Thái Bình phạt bị cáo 10.000.000 đồng về hành vi mua bán số lô, đề; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021 thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

7. Phạm Văn T3, sinh ngày 25/8/1974; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Dương Thị C; vợ: Bùi Thị T, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 05/2018/HSST ngày 12/01/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 12/01/2018; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 216/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2007, Công an thành phố Thái Bình phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Dương Văn P, Phạm Minh Đ2, Đoàn Thị T4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 12 năm 2020, Dương Văn P và Nguyễn Văn D đã nảy sinh ý định làm chủ lô đề để kiếm tiền. Dương Văn P đặt vấn đề với Phạm Văn M, Đoàn Thị T4, Phạm Minh Đ2 và Phạm Văn T3 nếu có mua số lô đề thì mua của P.

Nguyễn Văn D đặt vấn đề với Dương Duy Đ1, Phạm Văn T1 nếu có mua số lô, đề thì mua của D. Hàng ngày những người này nhắn tin mua số lô, đề của P và D trước 18 giờ. Cách thức mua số lô, số đề là nhắn tin SMS đến số điện thoại của P là 0392092976 và số điện thoại của D là 0395883346. Các tin nhắn ghi rõ những số lô, số đề, số vạch cần mua. Khi máy điện thoại của P và D nhận được tin nhắn sẽ trả lời “OK” hoặc “1,2,3,4...” tương ứng với số tin nhắn người mua gửi là hoàn thành giao dịch. Việc xác Đ số lô, số đề trúng thưởng dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó, cụ thể: trúng đề nghĩa là số đề mua có 2 chữ số trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt. Trúng lô nghĩa là số lô mua gồm 2 chữ số trùng với 2 chữ số cuối tất cả các giải. Trúng lô xiên 2 nghĩa là một bộ lô xiên 2 gồm 2 số phải trùng với 2 số cuối của tất cả các giải. Trúng lô xiên 3 nghĩa là một bộ lô xiên 3 gồm 3 số phải trùng với 3 số cuối của tất cả các giải. Trúng lô xiên 4 nghĩa là một bộ lô xiên 4 gồm 4 số phải trùng với 4 số cuối của tất cả các giải. Trúng 3 càng có nghĩa là số 3 càng có 3 chữ số mua trùng với 3 chữ số cuối của giải đặc biệt. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc thì đối chiếu xem người mua có trúng không, trúng được bao nhiêu tiền rồi trừ đi số tiền họ phải trả khi mua số lô, số đề sẽ ra số tiền cần thanh toán.

Số tiền bị cáo P và bị cáo D bán số lô, số đề và nếu khách trúng lô, đề, các bị cáo trả như sau: một điểm lô bán với giá 21.800 đồng, trúng 1 điểm lô trả 80.000 đồng; một điểm đề P bán giá 830 đồng, D bán giá 820 đồng, trúng 1 điểm đề đều trả 80.000 đồng; 01 điểm 3 càng bán giá 700 đồng, trúng 1 điểm 3 càng trả 400.000 đồng; 01 điểm lô xiên 2 hoặc xiên 3, xiên 4 đều bán với giá 700 đồng, nếu trúng 1 điểm lô xiên 2, xiên 3, xiên 4 sẽ trả thưởng tương ứng là 10.000 đồng, 40.000 đồng và 150.000 đồng.

Để thực hiện hành vi bán số lô, số đề, bị cáo P và D đều thuê Nguyễn Văn T giúp việc nhận và tổng hợp các tin nhắn mua số lô số đề, tiền thắng, thua và chuyển lại kết quả cho bị cáo P, D để trực tiếp thanh toán với các khách mua số lô, đề. Cụ thể như sau: bị cáo P đưa cho bị cáo T 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro lắp

sim số 0392092976; bị cáo D đưa cho bị cáo T 01 thoại đi động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10, lắp sim số 0395883346, 02 chiếc điện thoại này đều cài đặt ứng dụng “Lotteryvn” là ứng dụng có chức năng đồng bộ nhận các tin nhắn gửi đến và trả lời các tin nhắn đồng thời tự động tính tiền thắng thua lô đề dựa trên các tin nhắn mua số lô số đề của khách gửi đến điện thoại của bị cáo P, D để nhận các tin nhắn mua số lô, đề từ các khách. Khách sẽ nhắn tin số lô, số đề muốn mua dưới dạng tin nhắn văn bản vào số điện thoại trên, khi bị cáo T nhận được tin nhắn sẽ trả lời lại OK hoặc 1,2,3... ứng với số tin nhắn khách gửi là hoàn thành giao dịch. Sau khi nhận hết các tin nhắn lô, đề khách gửi đến, bị cáo T sẽ trả lại điện thoại cho bị cáo P, D để chốt thắng thua với khách, ngày hôm sau bị cáo P, D sẽ đưa lại 02 chiếc điện thoại trên cho bị cáo T để tiếp tục bán số lô, đề. Bị cáo P và D thỏa T1 mỗi người trả bị cáo T 1.500.000 đồng tiền công một tháng. Do mới làm nên bị cáo P chưa trả công cho bị cáo T, còn bị cáo D đã thanh toán cho bị cáo T 1.500.000 đồng.

Thông qua việc thuê Nguyễn Văn T làm thư ký tổng hợp hợp số lô, số đề, trong ngày 29/12/2020, Dương Văn P đã bán số lô, số đề cho Phạm Minh Đ2, Đoàn Thị T4, Phạm Văn T3 và Phạm Văn M, sinh năm 1987, trú tại thôn Q, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020, Nguyễn Văn D đã bán số lô, số đề cho Phạm Văn T1 và Dương Duy Đ1. Cụ thể như sau:

* Ngày 29/12/2020, Dương Văn P bán số lô đề cho Đ2, T4, T3, M với tổng số tiền đánh bạc là 55.950.000 đồng, cụ thể:

1. Đối với Phạm Minh Đ2: Ngày 29/12/2020, Đ2 mua 7850 điểm đề = 6.515.500 đồng, 270 điểm lô = 5.886.000 đồng, 850 điểm 3 càng = 595.000 đồng, tổng số tiền Đ2 mua số lô, đề và 3 càng của P là 12.996.500 đồng. Đ2 trúng thưởng 150 điểm lô = 12.000.000 đồng nên tổng số tiền Đ2 sử dụng vào việc đánh bạc là 24.996.500 đồng. Đ2 còn phải trả cho P số tiền là 996.500 đồng. Đ2 và P chưa thanh toán tiền với nhau.

2. Đối với Đoàn Thị T4: Ngày 29/12/2020, bị cáo T4 mua của Dương Văn P 1160 điểm đề = 962.800 đồng, 365 điểm lô = 7.957.000 đồng, 110 điểm 3 càng = 77.000 đồng, 2090 điểm xiên = 1.463.000 đồng. Tổng số tiền T4 mua số lô, số đề, số lô xiên và số 3 càng của P là 10.459.800 đồng. T4 trúng thưởng 20 điểm đề = 1.600.000 đồng và 75 điểm lô = 6.000.000 đồng, tổng số tiền trúng thưởng là 7.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T4 sử dụng đánh bạc là 18.059.800 đồng.

3. Đối với Phạm Văn T3: Ngày 29/12/2020, bị cáo T3 mua của Dương Văn P 1940 điểm đề = 1.610.200 đồng, 25 điểm lô = 545.000 đồng, 150 điểm 3 càng = 105.000 đồng. Tổng số tiền T3 mua số lô, đề và 3 càng của P là 2.260.200 đồng. T3 trúng thưởng 100 điểm đề = 8.000.000 đồng và 100 điểm áp 3 càng = 500.000 đồng, tổng số tiền trúng thưởng là 8.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T3 sử dụng đánh bạc là 10.760.200 đồng. P phải trả cho T3 số tiền là 6.240.000 đồng. T3 và P chưa thanh toán tiền với nhau.

4. Đối với Phạm Văn M: Ngày 29/12/2020, M mua của Dương Văn P 1550 điểm đề, 35 điểm lô, 120 điểm 3 càng. Tổng số tiền M mua số lô, đề và 3 càng của P là 2.133.500 đồng. M không trúng thưởng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa M và P là 2.133.500 đồng.

* Số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Văn D với T1 và Đ1 cụ thể như sau:

1. Đối với Phạm Văn T1:

- Ngày 23/12/2020, T1 mua của D 1700 điểm lô = 37.060.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 500 điểm = 40.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 77.060.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, T1 mua của D 800 điểm lô = 17.440.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 600 điểm = 48.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 65.440.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, T1 mua của D 1200 điểm lô = 26.160.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 400 điểm = 32.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 58.160.000 đồng.

- Ngày 26/12/2020, T1 mua của D 1150 điểm lô = 29.430.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 250 điểm = 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 45.070.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020, T1 mua của D 1350 điểm lô = 29.430.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 1800 điểm = 144.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 173.430.000 đồng.

- Ngày 28/12/2020, T1 mua của D 1350 điểm lô = 29.430.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 900 điểm = 72.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 101.430.000 đồng.

- Ngày 29/12/2020, T1 mua của D 800 điểm lô = 17.440.000 đồng. Kết quả T1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và D là 17.440.000 đồng.

Ngày 27/12/2020, D đã gặp và trả T1 100.000.000 đồng. Đến ngày 29/12/2020, D đã trả cho T1 40.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Như vậy, từ ngày 27/12/2020 đến ngày 29/12/2020, D đã trả T1 số tiền 140.000.000 đồng.

2. Đối với Dương Duy Đ1:

- Ngày 23/12/2020, Đ1 mua của D 2700 điểm đề = 2.214.000 đồng; 195 điểm lô = 4.251.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 6.465.000 đồng. Kết quả Đ1 trúng thưởng 50 điểm đề = 4.000.000 đồng; 40 điểm lô = 3.200.000 đồng. Tổng số tiền trúng thưởng là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 13.665.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, Đ1 mua của D 6000 điểm đề = 4.920.000 đồng; 40 điểm lô = 872.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 5.792.000 đồng. Kết quả Đ1 trúng thưởng 50 điểm đề = 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 9.792.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, Đ1 mua của D 3550 điểm đề = 2.911.000 đồng; 60 điểm lô = 1.308.000 đồng; 150 điểm càn = 105.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số

đề, lô của D là 4.324.000 đồng. Kết quả Đ1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 4.324.000 đồng.

- Ngày 26/12/2020, Đ1 mua của D 2600 điểm đề = 2.132.000 đồng; 240 điểm lô = 5.232.000 đồng; 300 điểm cào = 210.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 7.574.000 đồng. Kết quả Đ1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 7.574.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020, Đ1 mua của D 6000 điểm đề = 5.494.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 5.494.000 đồng. Kết quả Đ1 trúng thưởng 50 điểm đề = 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 9.494.000 đồng.

- Ngày 28/12/2020, Đ1 mua của D 2050 điểm đề = 1.658.100 đồng; Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 1.658.100 đồng. Kết quả Đ1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 1.658.100 đồng.

- Ngày 29/12/2020, Đ1 mua của D 3700 điểm đề = 3.034.000 đồng; 100 điểm lô = 2.180.000 đồng; 400 điểm cào = 280.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 bỏ ra mua số đề, lô của D là 5.494.000 đồng. Kết quả Đ1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa Đ1 và D là 5.494.000 đồng.

Đến ngày 28/12/2021, Đ1 đã trả D 20.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020, Nguyễn Văn D đã bán số lô, số đề cho Phạm Văn T1 và Dương Duy Đ1 với tổng số tiền 590.031.100 đồng. Số tiền đánh bạc trong từng ngày cụ thể như sau:

- Ngày 23/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 90.725.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 75.232.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 62.484.000 đồng.

- Ngày 26/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 52.644.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 182.924.000 đồng.

- Ngày 28/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 103.088.100 đồng.

- Ngày 29/12/2020, Nguyễn Văn D bán số lô, số đề cho Dương Duy Đ1 và Phạm Văn T1. Tổng số tiền đánh bạc là 22.934.000 đồng.

* Số tiền Phạm Văn T1 và Dương Văn Đ đánh bạc như sau:

- Ngày 23/12/2020, T1 mua của Đ 300 điểm lô = 6.600.000 đồng. Kết quả T1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 6.600.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, T1 mua của Đ 200 điểm lô = 4.400.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 150 đồng = 12.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 16.400.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, T1 mua của Đ 300 điểm lô = 6.600.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 100 đồng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 14.600.000 đồng.

- Ngày 26/12/2020, T1 mua của Đ 250 điểm lô = 5.500.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 50 đồng = 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 9.500.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020, T1 mua của Đ 150 điểm lô = 3.300.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 200 đồng = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 19.300.000 đồng.

- Ngày 28/12/2020, T1 mua của Đ 150 điểm lô = 3.300.000 đồng. Kết quả T1 trúng thưởng 100 đồng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 11.300.000 đồng.

- Ngày 29/12/2020, T1 mua của Đ 200 điểm lô = 4.400.000 đồng. Kết quả T1 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và Đ là 4.400.000 đồng.

Đến ngày 24/12/2020, Đ đã trả T1 số tiền là 4.200.000 đồng. Ngày 18/12/2020, Đ trả T1 tổng số tiền là 17.300.000 đồng. Như vậy, từ ngày

24/12/2020 đến ngày 28/12/2020, Đ đã trả cho T1 số tiền 21.500.000 đồng. Ngày 29/12/2020, Đ thắng T1 4.400.000 đồng, T1 chưa thanh toán cho Đ số tiền trên.

* Số tiền đánh bạc giữa Phạm Văn T1 và Nghiêm Xuân T2: Sau khi bị cáo T1 mua số lô, đề của Nguyễn Văn D và Dương Văn Đ, T1 đã bán lại toàn bộ số lô, đề cho Nghiêm Xuân T2. Bị cáo T1 và bị cáo T2 thống nhất T1 bán cho T2 1 điểm lô giá 22.000 đồng, trúng thưởng T1 trả thưởng 80.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 23/12/2020, T2 mua của T1 2000 điểm lô = 44.000.000 đồng. Kết quả T2 trúng 500 điểm = 40.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 84.000.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, T2 mua của T1 1000 điểm lô = 22.000.000 đồng. Kết quả T2 trúng 750 điểm = 60.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 82.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, T2 mua của T1 1500 điểm lô = 33.000.000 đồng. Kết quả T2 trúng 500 điểm = 40.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 73.000.000 đồng.

- Ngày 26/12/2020, T2 mua của T1 1400 điểm lô = 30.800.000 đồng. Kết quả T2 trúng 300 điểm = 24.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 54.800.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020, T2 mua của T1 1500 điểm lô = 33.000.000 đồng. Kết quả T2 trúng 2000 điểm = 160.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 193.000.000 đồng.

- Ngày 28/12/2020, T2 mua của T1 1500 điểm lô = 33.000.000 đồng. Kết quả T2 trúng 1000 điểm = 80.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 113.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2020, T2 mua của T1 1000 điểm lô = 22.000.000 đồng. Kết quả T2 thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa T1 và T2 là 22.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2020, T2 đã trả T1 số tiền 4.000.000 đồng. Từ ngày 24/12/2020 đến hết ngày 28/12/2020, T2 thắng tổng số tiền là 212.200.000 đồng. Số tiền trên

T1 đã trả cho T2 hết. Ngày 29/12/2020, T2 thua T1 22.000.000 đồng. Số tiền trên T2 chưa trả cho T1.

Như vậy, từ ngày 23/12/2020 đến 29/12/2020, Phạm Văn T1 đã mua bán số lô, số đề cho Nghiêm Xuân T2 với tổng số tiền đánh bạc là 621.800.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HSST ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết Đ:

1. Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Dương Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ, Dương Duy Đ1, Phạm Minh Đ2, Đoàn Thị T4 và Phạm Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án (trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021).

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nghiêm Xuân T2:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án (trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021).

Xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân T2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử

phạt bị cáo Dương Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Duy Đ1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án (trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T3 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Bản án còn xử phạt bị cáo Dương Văn P 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo; bị cáo Phạm Minh Đ2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo; bị cáo Đoàn Thị T4 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong các ngày 14, 20, 21, 25 tháng 10 năm 2021, các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T3, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Dương Văn Đ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T3 đã nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Văn T3. Áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ, giữ nguyên bản

án sơ thẩm số 137/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo đã đúng người đúng tội nên chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Đ vẫn đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T3, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T3 thì thấy: trước khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án, bị cáo T3 nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc rút đơn của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Văn T3.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ thấy: tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Thông qua việc thuê Nguyễn Văn T tổng hợp, nhận số lô, số đề, Nguyễn Văn D và Dương Văn P đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép cho Phạm Minh Đ2, Đoàn Thị T4, Phạm Văn T3, Phạm Văn M, Phạm Văn T1, Dương Duy Đ1 với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể: Trong ngày 29/12/2020, Dương Văn P đánh bạc với tổng số tiền là 55.950.000 đồng, trong đó, đánh bạc với Phạm Minh Đ2 số tiền đánh bạc là 24.996.000 đồng, với

Đoàn Thị T4 số tiền đánh bạc là 18.059.000 đồng, với Phạm Văn T3 số tiền đánh bạc là 10.760.200 đồng và Phạm Văn M với số tiền đánh bạc là 2.133.500 đồng. Nguyễn Văn D nhiều lần bán số lô, đề cho Phạm Văn T1 và Dương Duy Đ1, tổng số tiền đánh bạc là 590.031.100 đồng, trong đó, tổng số tiền đánh bạc với Phạm Văn T1 là 538.030.000 đồng với Dương Duy Đ1 là 52.001.100 đồng. Nguyễn Văn T giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho Nguyễn Văn D và Dương Văn P trong các hành vi đánh bạc từ ngày 23/12/2020 đến 29/12/2020. Bị cáo Dương Văn Đ nhiều lần bán số lô, số đề cho Phạm Văn T1 với tổng số tiền đánh bạc là 82.100.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn T1 nhiều lần mua số lô, số đề của Nguyễn Văn D và Dương Văn Đ, sau đó bán số lô lại cho Nghiêm Xuân T2 với tổng số tiền đánh bạc là 621.800.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T, Nghiêm Xuân T2 đánh bạc với số tiền trên 50 triệu đồng nên các bị cáo bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, các bị cáo Dương Duy Đ1, Dương Văn Đ các lần đánh bạc đều dưới 50 triệu nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ: Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình trị an trên địa bàn khu dân cư nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đánh bạc với số tiền lớn, vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đều xử phạt buộc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo là phù hợp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần sắp xếp lại vai trò đối với các bị cáo như sau: đối với bị cáo Nguyễn Văn D xác định là người khởi xướng đánh bạc, tuy nhiên số tiền đánh bạc của Nguyễn Văn D thấp hơn số tiền đánh bạc của Phạm Văn T1, Nghiêm Xuân T2 và Nguyễn Văn T nên cần xếp vai trò của bốn bị cáo này là ngang nhau, xếp vai trò thứ nhất trong vụ

án. Bị cáo Dương Văn P cũng là người khởi xướng đánh bạc, tìm người mua số lô, số đề và chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, tổng số tiền bị cáo đánh bạc 55.950.000 đồng, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Dương Văn Đ có hành vi đánh bạc từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020, Đ đã 06 lần mua số lô, số đề của Phạm Văn T1 với tổng số tiền đánh bạc là 82.100.000 đồng nên xếp vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo Dương Duy Đ1 đã có hành vi đánh bạc từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020, bị cáo Đ1 05 lần mua số lô, số đề của Nguyễn Văn D với tổng số tiền đánh bạc là 52.001.100 đồng nên xếp vai trò thứ tư trong vụ án. Các bị cáo Phạm Minh Đ2, Đoàn Thị T4, Phạm Văn T3 chỉ đánh bạc một lần, số tiền đánh bạc nhỏ nên xếp vai trò ngang nhau và là vai trò cuối cùng trong vụ án. Từ các đánh giá, phân tích nêu trên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Phạm Văn T1, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, bằng với mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T và Nghiêm Xuân T2 là phù hợp. Đối với các bị cáo Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Nguyễn Văn T và Dương Văn Đ không có căn cứ nào để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Dương Văn Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng bản thân bị cáo là người phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Nguyễn Văn T và Dương Văn Đ.

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T3 rút đơn trước khi đưa vụ án ra xét xử nên bị cáo T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D và Phạm Văn T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Nguyễn Văn T và Dương Văn Đ không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T3.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D và Phạm Văn T1, sửa bản án sơ thẩm số 137/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn D và Phạm Văn T1.

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Nguyễn Văn T và Dương Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 137/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về mức hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ, Dương Duy Đ1 phạm tội “Đánh bạc”.

1.2. Hình phạt:

1.2.1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021.

1.2.2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.2.3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021.

1.2.4. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân T2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Duy Đ1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Duy Đ1, Nghiêm Xuân T2, Dương Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 25 tháng 02 năm 2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA tp Thái Bình;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đỗ Thị Hà